

Số: 3481 /QĐ-BNN-XD

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng

**Dự án “Đầu tư xây dựng Trung tâm khám bệnh- Hỗ trợ chăm sóc
và điều trị người cao tuổi Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp”**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT: Số 3230/QĐ-BNN-KH ngày 21/7/2021 và số 2730/QĐ-BNN-KH ngày 07/7/2023 phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án “Đầu tư xây dựng Trung tâm khám bệnh- Hỗ trợ chăm sóc và điều trị người cao tuổi Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp”;

Xét đề nghị của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp tại các Tờ trình số 1168/TTr-BV-HC ngày 09/6/2023 và số 1538/TTr-BV-HC ngày 14/7/2023 trình thẩm định, phê duyệt Dự án “Đầu tư xây dựng Trung tâm khám bệnh- Hỗ trợ chăm sóc và điều trị người cao tuổi Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình (tại Báo cáo kết quả thẩm định số 1268/BC-XD-TĐ ngày 11/8/2023) và Vụ trưởng các Vụ Kế hoạch, Tài chính, Khoa học Công nghệ và Môi trường, Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng “Đầu tư xây dựng Trung tâm khám bệnh- Hỗ trợ chăm sóc và điều trị người cao tuổi Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp” với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng Trung tâm khám bệnh- Hỗ trợ chăm sóc và điều trị người cao tuổi Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp.

2. Loại, nhóm dự án, cấp công trình:

- Loại công trình, dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ Nông nghiệp và PTNT.

- Nhóm dự án: Nhóm B.

- Cấp công trình: Cấp II.

3. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

4. Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp.

5. Các tổ chức tư vấn:

- Tổ chức tư vấn lập báo cáo NCKT: Liên danh Công ty TNHH Tư vấn xây dựng các dự án quốc tế và Công ty CP Thương mại thiết bị PCCC An Hưng. Chủ nhiệm thiết kế: Kiến trúc sư Trần Ngọc Ánh.

- Tổ chức thẩm tra báo cáo NCKT: Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Đô thị Việt Nam- VINACITY E&C.

- Tổ chức khảo sát địa chất: Công ty CP Khảo sát thiết kế xây dựng Đất Việt.

6. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp đáp ứng công tác khám, hỗ trợ điều trị chăm sóc người cao tuổi, hỗ trợ điều trị cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khối cơ quan Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đồng thời kết hợp đào tạo, nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng khoa học công nghệ, kỹ thuật y học.

7. Địa điểm xây dựng: Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

8. Nội dung tổng mặt bằng xây dựng chủ yếu:

a) Các chỉ tiêu thiết kế:

- Diện tích tổng mặt bằng xây dựng: 3.075,3m², trong đó có 244,9m² nằm trong phạm vi mở đường theo quy hoạch;

- Tổng diện tích xây dựng: 1.150m²;

- Tổng diện tích sàn: 6.784m²;

- Mật độ xây dựng: 40,63%;

- Hệ số sử dụng đất: 2,4 lần;

- Số tầng cao: 01 tầng hầm và 05 tầng nổi (không tính tum thang).

b) Bố trí các hạng mục chủ yếu trên tổng mặt bằng xây dựng:

TT	Hạng mục	Diện tích xây dựng (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số tầng
1	Xây dựng mới khối nhà khám bệnh công nghệ cao và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, cán bộ công chức, viên chức cơ quan Bộ			
-	Khối 05 tầng	826	5.653	01 tầng hầm, 05 tầng nổi và tum thang
-	Khối 04 tầng	259	1.066	04 tầng nổi và tum thang
2	Xây dựng mới các hạng mục phụ trợ			
-	Nhà phụ trợ	52	52	01 tầng
-	Nhà thường trực	13	13	01 tầng
	Tổng cộng	1.150	6.784	

9. Nội dung, quy mô đầu tư:

- Xây dựng mới 01 khối nhà 05 tầng (05 tầng nổi, 01 tầng hầm và tum thang); 01 khối nhà 04 tầng (04 tầng nổi và tum thang); các hạng mục phụ trợ (cổng, tường rào, nhà thường trực, nhà phụ trợ...) và công trình hạ tầng kỹ thuật (sân, đường nội khu; hệ thống cấp điện, trạm biến áp; hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải, bể ngầm; hệ thống thông tin liên lạc, phòng cháy chữa cháy...).

- Mua sắm trang thiết bị y tế, thiết bị công nghệ và thiết bị công trình.

10. Các giải pháp thiết kế cơ sở chủ yếu:

10.1. Khối nhà 05 tầng:

a) Kiến trúc: Gồm 01 tầng hầm, 05 tầng nổi và tum thang, diện tích xây dựng khoảng 826m², diện tích tầng hầm khoảng 1.405m², tổng diện tích sàn khoảng 5.653m²; tầng hầm cao 4m, tầng 1 và 2 cao 4,5m, các tầng trên cao 3,7m, tầng tum thang cao 2,85m; giao thông bằng các thang bộ kết hợp thoát hiểm và thang máy, hành lang giữa rộng 4m; các phòng bệnh bố trí khu vệ sinh khép kín.

b) Kết cấu: Sử dụng giải pháp móng cọc BTCT; đài móng, dầm móng, dầm, thành tầng hầm, đường dốc lên xuống hầm, cột, dầm, sàn, sàn mái BTCT; tường xây gạch không nung, vữa XM.

c) Hoàn thiện:

- Nền tầng hầm và sàn tầng 1 (khu bãi đỗ xe) sơn tăng cứng bằng vật liệu chuyên dụng; sàn tầng 1 (còn lại) và sàn các tầng lát gạch granite;

- Tường trát vữa XM sơn nước không bả; một số vị trí tường ngoài nhà ốp gạch ceramic kết hợp vách khung nhôm hệ (tương đương loại Xingfa), kính an toàn và lam chắn nắng;

- Cửa đi, cửa sổ, vách kính khung nhôm hệ (tương đương loại Xingfa), kính an toàn, một số cửa đi kính cường lực, cửa thép bọc đồng chống từ và cửa thép chống cháy chuyên dụng;

- Thang bộ kết hợp thang thoát hiểm: Bậc xây gạch không nung, mặt và cổ bậc sơn chống trượt; lan can tay vịn gỗ, song hoa thép sơn tĩnh điện;

- Khu vệ sinh: Chống thấm sàn bằng vật liệu chuyên dụng, ốp lát tường, sàn gạch ceramic chống trơn; trần thạch cao; lắp đặt thiết bị vệ sinh;

- Lắp đặt thang máy chở người và thang vận chuyển chất thải rắn.

d) Cấp điện trong nhà dùng cáp và dây dẫn ruột đồng chôn ngầm; lắp đặt tủ điện tổng, tủ điện các tầng, đèn, quạt các loại và các thiết bị, phụ kiện kèm theo.

đ) Chống sét: Lắp đặt thiết bị chống sét tia tiên đạo và hệ thống dẫn sét, tiếp địa.

e) Điện nhẹ: Lắp đặt hệ thống mạng LAN, thông tin liên lạc, giám sát hình ảnh, âm thanh và các phụ kiện kèm theo.

g) Thông gió, cấp nhiệt: Lắp đặt điều hòa nhiệt độ, quạt cấp khí, quạt hút gió các loại và các phụ kiện kèm theo.

h) Cấp nước gồm cấp nước sinh hoạt, cấp nước nóng, cấp nước uống ngay (RO) riêng biệt bằng ống nhựa, chôn ngầm; lắp đặt máy bơm cấp nước sinh hoạt, bồn nước chứa nước trên mái, hệ thống đun nước nóng, hệ thống lọc nước RO và các thiết bị, phụ kiện kèm theo.

k) Thoát nước gồm thoát nước thải y tế, thoát nước thải sinh hoạt, thoát nước mưa được thu gom vào các hệ thống riêng biệt bằng ống nhựa chôn ngầm.

m) Hệ thống khí y tế: Lắp đặt hệ thống bồn Oxy lỏng, bộ hóa hơi; trạm phân phối tự động, hệ thống máy nén khí, máy hút khí... và các thiết bị, phụ kiện đồng bộ kèm theo.

n) Hệ thống báo gọi y tá: Lắp đặt bộ điều khiển trung tâm, máy chủ trực y tá, nút gọi đầu giường... và các thiết bị, phụ kiện đồng bộ kèm theo.

10.2. Khối nhà 04 tầng:

a) Kiến trúc: 04 tầng và tum thang, diện tích xây dựng khoảng 259m², tổng diện tích sàn khoảng 1.066m²; tầng 1 và 2 cao 4,5m, các tầng trên cao 3,7m, tầng tum thang cao 2,85m; giao thông đứng bằng 01 thang bộ kết hợp thoát hiểm và 01 thang máy, giao thông ngang theo hành lang giữa.

b) Kết cấu: Sử dụng giải pháp móng cọc BTCT đúc sẵn; đài móng, dầm móng, cột, dầm, sàn, sàn mái... BTCT; tường xây gạch không nung, vữa XM.

c) Hoàn thiện:

- Nền, sàn các tầng lát gạch granite. Các nội dung hoàn thiện khác tương tự như khối nhà 05 tầng;

- Lắp đặt thang máy chở người và các thiết bị, phụ kiện đồng bộ kèm theo.

d) Cấp điện trong nhà, chống sét, hệ thống điện nhẹ, hệ thống thông gió cấp nhiệt, cấp nước, thoát nước, hệ thống khí y tế, hệ thống báo gọi y tá: Tương tự như khối nhà 05 tầng.

đ) Phòng chống môi: Sử dụng thuốc chuyên dụng để xử lý tường tầng 1 và hào chống môi bên trong, ngoài nhà.

10.3. Các hạng mục phụ trợ:

a) Nhà phụ trợ: 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng $52m^2$, chiều cao đến sàn mái 3,6m. Móng đơn, dầm móng, cột, dầm, sàn mái BTCT; tường xây gạch không nung vữa XM, trát vữa XM, sơn nước không bả; nền đồ BTXM, sơn tăng cứng bằng vật liệu chuyên dụng; cửa đi khung thép, bịt tôn sơn tĩnh điện; lắp đặt hệ thống cấp điện, cấp thoát nước.

b) Cổng, tường biển hiệu:

- Cổng chính: Phần xe ô tô rộng 5m, dùng cổng có mô tơ điện; phần xe máy rộng 1m, dùng cổng khung và song hoa inox; móng, trụ cổng BTCT, ngoài xây gạch không nung, ốp đá granite;

- Cổng phụ (02 cái, rộng 5m): Dùng cổng xếp có mô tơ điện; cấu tạo trụ cổng tương tự như cổng chính;

- Tường biển hiệu: Móng đơn, dầm móng, trụ BTCT; tường xây gạch không nung vữa XM kết hợp giằng BTCT, mặt ngoài ốp đá granite, gắn chữ đồng, phần còn lại sơn nước không bả.

c) Nhà thường trực: 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng $13m^2$, chiều cao đến sàn mái 3,2m. Kết cấu nhà tương tự Nhà phụ trợ, riêng nền lát gạch granite; cửa đi, cửa sổ khung nhôm hệ (tương đương loại Xingfa), kính an toàn.

d) Tường rào:

- Tường rào thoáng: Dài khoảng 65m; dưới xây gạch không nung, trên lắp đặt song hoa thép; khoảng cách trụ 4m/cái; móng trụ, dầm móng, trụ rào, giằng đỉnh tường rào BTCT; tường rào xây gạch không nung vữa XM, trát vữa XM, sơn nước không bả; để khe lún theo quy định;

- Tường rào đặc: Dài khoảng 180m, xây gạch không nung, khoảng cách trụ 3,3m/cái; cấu tạo trụ, tường rào tương tự như tường rào thoáng.

10.4. Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà:

a) Sân đường nội khu: Diện tích khoảng $732m^2$; kết cấu gồm các lớp: bê tông nhựa, tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn, lớp cấp phối đá dăm, lớp đất nền đầm chặt.

b) Cấp điện ngoài nhà:

- Đường dây trung thế dùng cáp điện ruột đồng, vỏ bọc PVC chôn ngầm trong rãnh cáp;

- Lắp đặt trạm biếp áp, máy phát điện dự phòng và các thiết bị, phụ kiện đồng bộ kèm theo;

- Chiếu sáng ngoài nhà dùng loại đèn đường và đèn sân vườn.

c) Cấp nước ngoài nhà gồm: Bể chứa nước (khối tích khoảng 430m³ chôn ngầm; kết cấu BTCT toàn khối có gia cố nền) và đường ống cấp nước vào bể (dùng ống nhựa chôn ngầm).

d) Thoát nước ngoài nhà: Dùng cống tròn BTCT, chôn ngầm; hố ga thoát nước BTCT đúc sẵn có lưới thu nước.

đ) Trạm xử lý nước thải (xử lý nước thải y tế và nước thải sinh hoạt) gồm: Bể xử lý nước thải (khối tích khoảng 650m³ chôn ngầm, kết cấu tương tự như bể chứa nước, có phân chia thành các ngăn theo dây chuyền công nghệ); lắp đặt các thiết bị xử lý nước thải và các phụ kiện kèm theo.

e) Phòng cháy chữa cháy cho toàn khu: Lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy bằng nước, hệ thống chữa cháy cầm tay, máy bơm chữa cháy, quạt tăng áp, hút khói các loại và các bảng nội quy, tiêu lệnh, đèn sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn... theo quy định.

10.5. Đầu tư mua sắm trang thiết bị:

- Thiết bị y tế và thiết bị công nghệ gồm: Máy X-quang, máy điện tim, máy sốc tim, bộ dụng cụ tiểu phẫu, giường, thiết bị hệ thống khí y tế, thiết bị hệ thống báo gọi y tá, thiết bị xử lý nước thải và các thiết bị khác.

- Thiết bị công trình gồm: Thiết bị điện, thiết bị điện nhẹ (mạng LAN, điện thoại, truyền hình, camera giám sát, âm thanh thông báo...), thiết bị thông gió, cấp nhiệt (điều hòa nhiệt độ, quạt hút...), thiết bị phòng cháy chữa cháy và tăng áp, hút khí, thang máy...

Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo.

11. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng:

a) Số bước thiết kế : 02 bước, thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng:

- Các quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 01: 2021/BXD về Quy hoạch xây dựng; QCVN 03: 2022/BXD về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng; QCVN 04-1: 2015/BXD về nhà ở và công trình công cộng; QCVN 10: 2014/BXD về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng; QCVN 01: 2020/BCT về an toàn điện; QCVN 06: 2022/BXD về an toàn cháy cho nhà và công trình; các quy chuẩn kỹ thuật khác có liên quan.

- Các tiêu chuẩn thiết kế xây dựng: TCVN 4470: 2012 Bệnh viện đa khoa; TCVN 4601: 2012 Công sở, cơ quan hành chính nhà nước; TCVN 2737: 2023 Tải trọng và tác động; TCVN 9379: 2012 Kết cấu xây dựng và nền; TCVN

9362: 2012 Nền nhà và công trình; TCVN 5574: 2018 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép; TCVN 5573: 2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá có cốt thép; TCVN 10304: 2014 Móng cọc; các tiêu chuẩn xây dựng khác có liên quan.

12. Tổng mức đầu tư xây dựng:

a) Tổng mức đầu tư xây dựng lập theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn; đơn giá xây dựng công trình, đơn giá nhân công, giá ca máy và thiết bị thi công, giá vật tư, vật liệu... theo công bố của thành phố Hà Nội, báo giá của các đơn vị cung cấp vật tư, thiết bị theo mặt bằng giá thị trường khu vực tại thời điểm trình tổng mức đầu tư.

b) Tổng mức đầu tư xây dựng được duyệt: 200.000.000.000 đồng

(Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng)

Chia ra:

- Chi phí xây dựng: 105.078.697.000 đồng;
- Chi phí thiết bị: 55.692.865.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 2.956.589.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 6.801.067.000 đồng;
- Chi phí khác: 1.548.270.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 27.922.512.000 đồng.

Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo.

13. Nguồn vốn đầu tư: Vốn Ngân sách Nhà nước (trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 do Bộ Nông nghiệp và PTNT được giao quản lý tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ).

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án.

15. Tiến độ thực hiện dự án: 03 năm.

Điều 2. Phân giao nhiệm vụ:

1. Chủ đầu tư (Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp):

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Bộ trưởng về việc quản lý thực hiện dự án theo quy định;

- Tổ chức quản lý và thực hiện dự án theo nội dung Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, của địa phương về quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư, quản lý chất lượng công trình xây dựng, đảm bảo an toàn, đưa công trình vào khai thác sử dụng đúng mục đích, an toàn, có hiệu quả;

- Trình Bộ (qua Cục Quản lý xây dựng công trình) thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án phù hợp với kế hoạch thực hiện và nguồn vốn được cấp; tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt và các quy định có liên quan;

- Tổ chức lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình, trình Cục Quản lý xây dựng công trình thẩm định theo quy định trước khi phê duyệt;

- Trình Bộ (qua Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường) thẩm định, phê duyệt danh mục, số lượng, tính năng, thông số kỹ thuật các thiết bị y tế và thiết bị công nghệ của Dự án;

- Thực hiện các thủ tục pháp lý có liên quan đến xử lý tài sản theo quy định (ngay sau khi có quyết định phê duyệt dự án đầu tư);

- Làm việc với các cơ quan quản lý xây dựng, phòng cháy chữa cháy, cấp điện, cấp nước, thoát nước thải và vệ sinh môi trường... tại địa phương về các thủ tục có liên quan; đảm bảo tuân thủ các quy định trước khi khởi công xây dựng công trình.

2. Vụ Kế hoạch: Tham mưu Bộ bố trí nguồn vốn ngân sách theo tiến độ thực hiện dự án và kế hoạch vốn trung hạn được duyệt.

3. Vụ Tài chính: Chủ trì quyết toán theo niên độ, quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành; hướng dẫn Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục về xử lý tài sản theo quy định.

4. Cục Quản lý xây dựng công trình: Thực hiện nhiệm vụ cơ quan chủ trì thẩm định và cơ quan chuyên môn về xây dựng; thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giúp Bộ trưởng hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo quy định.

5. Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường: Chủ trì thẩm định, trình Bộ phê duyệt danh mục, số lượng, tính năng, thông số kỹ thuật và chủ trì kiểm tra công tác nghiệm thu các thiết bị y tế, thiết bị công nghệ của Dự án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Khoa học Công nghệ và Môi trường, Tổ chức cán bộ, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp và các Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- Kho bạc NN (TƯ và ĐP);
- Lưu VT, XD (10b).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp

Phụ lục I:

DANH MỤC THIẾT BỊ

Dự án: Đầu tư xây dựng Trung tâm khám bệnh- Hỗ trợ chăm sóc
và điều trị người cao tuổi Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp

(Kèm theo Quyết định số 3481/QĐ-BNN-XD ngày 16 tháng 8 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
I	THIẾT BỊ Y TẾ VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ		
1	Thiết bị y tế (Máy X-quang, máy điện tim, máy sốc tim, bộ dụng cụ tiểu phẫu, giường và các thiết bị khác)		
2	Thiết bị công nghệ		
-	Hệ thống khí y tế	HT	1
-	Hệ thống báo gọi y tá	HT	1
-	Xử lý nước thải	HT	1
II	THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH		
1	Khối nhà 05 tầng		
a	Thiết bị điện, chống sét (tủ điện các loại, kim thu sét...)	HT	1
b	Thiết bị điện nhẹ		
-	Thiết bị hệ thống mạng LAN	HT	1
-	Thiết bị hệ thống camera giám sát	HT	1
-	Thiết bị hệ thống âm thanh thông báo	HT	1
c	Thiết bị thông gió, cấp nhiệt (điều hòa nhiệt độ, quạt hút...)	HT	1
d	Thiết bị phòng cháy chữa cháy và tăng áp, hút khí	HT	1
đ	Thiết bị hệ thống cấp nước uống ngay (RO)	HT	1
e	Thang máy các loại	Thang	4
2	Khối nhà 04 tầng		
a	Thiết bị điện, chống sét (tủ điện các loại, kim thu sét...)	HT	1
b	Thiết bị điện nhẹ		
-	Thiết bị hệ thống mạng LAN	HT	1
-	Thiết bị hệ thống camera giám sát	HT	1
-	Thiết bị hệ thống âm thanh thông báo	HT	1
c	Thiết bị thông gió, cấp nhiệt (điều hòa nhiệt độ, quạt hút...)	HT	1
d	Thiết bị phòng cháy chữa cháy và tăng áp, hút khí	HT	1
đ	Thang máy	Thang	1
3	Hạ tầng kỹ thuật		
-	Trạm biến áp	HT	1
-	Máy phát điện dự phòng	HT	1

Nam



ՀԱՅԱՍՏԱՆԻ ՀԱՆՐԱՊԵՏՈՒԹՅԱՆ
ԿՐԹԱՆՈՒԹՅԱՆ ԻՐԱՎԱԿԱՆ

Phụ lục II:

TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Dự án: Đầu tư xây dựng Trung tâm khám bệnh- Hỗ trợ chăm sóc và điều trị người cao tuổi Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp

(Kèm theo Quyết định số 3481/QĐ-BNN-XD ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Hạng mục	Giá trị
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	200.000.000
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	105.078.697
1	Khối nhà 05 tầng	77.025.663
2	Khối nhà 04 tầng	17.439.106
3	Các hạng mục phụ trợ (cổng, tường rào, nhà thường trực, nhà phụ trợ...)	1.091.267
-	Nhà thường trực, cổng, tường rào	609.873
-	Nhà phụ trợ	81.394
4	Hạ tầng kỹ thuật (sân, đường nội khu; hệ thống cấp điện, trạm biến áp; hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải, bể ngầm; hệ thống thông tin liên lạc, phòng cháy chữa cháy...)	9.522.661
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ	55.692.865
1	Thiết bị y tế và thiết bị công nghệ	19.034.806
2	Thiết bị công trình	36.658.059
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	2.956.589
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	6.801.067
IV.1	Giai đoạn chuẩn bị dự án	1.279.990
1	Lập nhiệm vụ, dự toán chi phí chuẩn bị dự án	11.000
2	Khảo sát địa hình, địa chất	384.340
3	Giám sát khảo sát xây dựng	15.650
4	Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	662.379
5	Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường	134.476
6	Lập HSMT và phân tích đánh giá HSDT lựa chọn nhà thầu tư vấn giai đoạn chuẩn bị dự án	8.640
7	Thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi	63.505
IV.2	Giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc xây dựng	5.521.077
1	Lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán	2.143.605
2	Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công	95.622
3	Thẩm tra dự toán	94.571
4	Lập HSMT và phân tích đánh giá HSDT lựa chọn nhà thầu tư vấn	8.700
5	Lập HSMT và phân tích đánh giá HSDT thi công xây dựng	95.622
6	Lập HSMT và phân tích đánh giá HSDT cung cấp, lắp đặt thiết bị	84.096
7	Thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu	200.000

Nam

TT	Hạng mục	Giá trị
8	Giám sát thi công xây dựng	2.209.805
9	Giám sát lắp đặt thiết bị	293.501
10	Thí nghiệm nén tĩnh cọc	100.630
11	Thẩm định giá thiết bị	194.925
V	CHI PHÍ KHÁC	1.548.270
1	Phí thẩm định dự án đầu tư	20.000
2	Chi phí thẩm định dự án đầu tư	64.000
3	Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	63.047
4	Phí thẩm định dự toán	61.996
5	Phí thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy	12.609
6	Bảo hiểm công trình	157.618
7	Xin phép đấu nối, nghiệm thu đóng điện	250.000
8	Kiểm tra công tác nghiệm thu	100.000
9	Kiểm toán	616.000
10	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	203.000
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	27.922.512
1	Dự phòng cho khối lượng công việc phát sinh	17.207.749
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	10.714.763

Nam